| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST<br>Ngày 27 - 8 - 2021<br>V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Hoàng Thị Xuân;

Ông Nguyễn Xuân Quý.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Kim D, địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Việt B, địa chỉ: Số 10/3 đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Kim D trình bày:

Sau thời gian tự do tìm hiểu chị và anh Lê Việt B được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo nghi thức cổ truyền, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L vào ngày 09/8/2013. Sau khi kết hôn chị và anh Lê Việt B chung sống cùng mẹ chồng tại địa chỉ số 10/3 đường L, khối 8 phường T,

thành phố L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, được khoảng 6 tháng sau thì  vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Việt B sử dụng ma túy, thường xuyên chửi bới đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong gia đình, sự việc xảy ra chị có báo Công an phường T, thành phố L giải quyết. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Lê Việt B không thay đổi, vì vậy tháng 02/2014 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, tuy nhiên thỉnh thoảng chị vẫn cho con về thăm anh Lê Việt B và đi lại giữa hai bên gia đình. Đến tháng 02/2015, anh Lê Việt B đi cai nghiện tự nguyện tại Km số 10, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, trong thời gian anh Lê Việt B đi cai nghiện chị vẫn thăm nom, động viên anh Lê Việt B. Sau đó, anh Lê Việt B tái nghiện, thường xuyên đánh đập chị, vì vậy chị mới chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, trong thời gian này vợ chồng sống ly thân anh Lê Việt B cũng không hỏi thăm chị và con chung là cháu Lê Gia Tuệ, không gửi tiền chu cấp hàng tháng cho con chung của anh chị, chỉ có mẹ đẻ anh Lê Việt B là bà Thân Thị Xuân thỉnh thoảng gửi bánh kẹo cho cháu nội. Trước khi nộp đơn ly hôn đến Tòa án, chị có thông báo cho anh Lê Việt B qua điện thoại, chị xin ly hôn anh Lê Việt B không hợp tác, cố tình trốn tránh, thay đổi địa chỉ, mẹ chồng chị là bà Thân Thị Xuân có biết địa chỉ của anh Lê Việt B nhưng bà không cung cấp cho chị địa chỉ của anh Lê Việt B. Do mâu thuẫn của vợ chồng quá trầm trọng, kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Việt B.

Về con chung: Trong quá trình sinh sống chị và anh Lê Việt B có 01 con chung là cháu Lê Gia Tuệ, sinh ngày 06/9/2013. Hiện cháu đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi cháu Lê Gia T đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lê Việt B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Việt B không có bản khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Việt B để tham gia các giai đoạn tố nhưng anh Lê Việt B đều vắng mặt, không thống báo lý do cho Tòa án biết. Do anh Lê Việt B không hợp tác nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại khối 8, phường T và Ủy ban nhân dân phường T tuy nhiên anh B đều vắng mặt và không thông báo lý do cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lê Việt B trên phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Trung ương và địa phương, đài phát thanh Trung ương; cổng thông tin điện tử...

Tại bản tự khai ngày 28/5/2021, cháu Lê Gia T là con chung của anh Lê Việt B và chị Nông Thị Kim D trình bày: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn ở cùng với mẹ là Nông Thị Kim D.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B với bà Thân Thị X mẹ đẻ của anh Lê Việt B, cho biết: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B sau khi kết hôn chung sống cùng bà tại địa chỉ 10/3 đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian chung sống

chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Việt B sử dụng ma túy, chị Nông Thị Kim D cũng không làm tròn bổn phận dâu con trong gia đình như không lo giỗ bố, lễ tết thanh minh cũng không phụ bà lo toan. Việc chị Nông Thị Kim D nộp đơn ly hôn cho Tòa án bà có biết nhưng do anh B đang đi cai nghiện, bà không muốn thông báo cho anh B. Việc anh B và chị D ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Hoàng Văn H bố đẻ của chị Nông Thị Kim D trình bày: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B sau thời gian tự do tìm hiểu, gia đình có tổ chức hôn lễ cho chị Nông Thị Kim D, anh Lê Việt B theo nghi thức cổ truyền. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Nông Thị Kim D sống cùng mẹ chồng tại thành phố L. Khi chị Nông Thị Kim D sinh cháu Lê Gia T được 06 tháng thì chị Nông Thị Kim D đưa con về nhà ông tại thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, ông có biết mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng là do anh Lê Việt B sử dụng ma túy. Ngày 01 Tết âm lịch năm 2014, không hiểu vì lý do gì, anh Lê Việt B đến nhà đánh chị D ông phải nhờ chính quyền địa phương đến can thiệp. Năm 2018 anh Lê Việt B đi cai nghiện, chị Nông Thị Kim D có đưa cháu Tuệ xuống thăm anh, nhưng anh Lê Việt B lên cơn nghiện đánh cả cháu Lê Gia T khiến cháu rất sợ hãi. Hiện nay chị Nông Thị Kim D và cháu Lê Gia T đang sinh sống cùng vợ chồng ông. Tình cảm vợ chồng chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và đã sống ly thân nhiều năm nay khó có thể đoàn tụ, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị Kim D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, của Bộ luật Tố tụng Dân sự và triệu tập bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài Trung ương và địa phương; căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Việt B là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội D: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B chung sống có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống chị Nông Thị Kim D và anh Nông Việt B nảy sinh nhiều mâu thuẫn do anh B nghiện ma túy, đã được công an phường T giải quyết. Anh Lê Việt B đang đi cai nghiện, không có mặt tại địa phương nhưng gia đình không cung cấp địa chỉ anh Lê Việt B. Tòa án tiến hành niêm yết và triệu tập anh Lê Việt B trên phương tiện thông tin đại chúng như báo đài Trung ương và địa phương nhưng anh Lê Việt B vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Kim D. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B có 01 con chung là cháu Lê Gia T, sinh ngày 06/9/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng chị Nông Thị Kim D tại

nhà ông bà ngoại, địa chỉ thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về chi phí đăng tin, thông báo chị Nông Thị Kim D chịu; về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khaorn 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 13/01/2021, chị Nông Thị Kim D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Việt B, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số Số 10/3 đường L, khối 8, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Tại đơn khởi kiện, chị Nông Thị Kim D đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là anh Lê Việt B, ngày 27/7/2021 Tòa án nhân dân thành phố L đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn anh Lê Việt B với công an phường T, nội D biên bản thể hiện anh Lê Việt B vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 10/3 khối 8, phường T, thành phố L. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không thực hiện được việc tống đạt văn bản tố tụng cho anh Lê Việt B vì anh Lê Việt B không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đến địa chỉ số 10/3 khối 8, phường T, thành phố L có gặp bà Thân Thị X là mẹ đẻ anh Lê Việt B, được bà cho biết hiện anh Lê Việt B đang đi cai nghiện, tuy nhiên bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Lê Việt B. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn anh Lê Việt B cố tình che giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Lê Việt B theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngoài ra Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lê Việt B trên phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Trung ương và địa phương; đài phát thanh Trung ương; cổng thông tin điện tử... nhưng anh Lê Việt B vẫn không có mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Việt B.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ngày 09/8/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B là hợp pháp. Sau khi về chung sống được 06 tháng vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Lê

Việt B nghiện ma túy đanh đập và đập phá tài sản trong gia đình được công an phường T giải quyết, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, kéo dài nhiều năm và đã sống ly thân từ tháng 02/2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B không còn quan tâm gì đến nhàu.

[5] Về phía anh Lê Việt B: Theo nguyên đơn chị Nông Thị Kim D khai, đã thông báo B hình thức gọi điện thoại cho anh Lê Việt B; anh Lê Việt B không có mặt tại nơi cư trú, qua xác minh tại gia đình mẹ đẻ anh Lê Việt B xác nhận trong thời gian chung sống chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Việt B sử dụng ma túy, chị Nông Thị Kim D xin ly hôn bà cho rằng anh Lê Việt B đang đi cai nghiện, bà không muốn thông báo cho anh Lê Việt B. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lê Việt B trên phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Trung ương và địa phương; đài phát thanh Trung ương; Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; trang tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, anh Lê Việt B vẫn không có mawjtj để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, do đó có căn cứ xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Kim D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B có 01 con chung là cháu Lê Gia T, sinh ngày 06/9/2013 hiện đang sống cùng chị Nông Thị Kim D tại địa chỉ thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia T đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lê Việt B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị D đang làm nhân viên móng, mi, mức thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng - 10.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Lê Gia T, sinh ngày 06/9/2013 cho chị Nông Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị Nông Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí cho việc đăng tin thông báo triệu tập anh Lê Việt B trên phương tiện thông tin đại chúng do chị Nông Thị Kim D chịu.

[11] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 129; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị Kim D ly hôn với anh Lê Việt B.

*(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2013, quyển số 01/2012, ngày 09/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Chị Nông Thị Kim D và anh Lê Việt B có 01 con chung là cháu Lê Gia T, sinh ngày 06/9/2013, hiện đang sống cùng với chị Nông Thị Kim D. Khi ly hôn, giao cho chị Nông Thị Kim D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Việt B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nông Thị Kim D không yêu cầu.

Anh Lê Việt B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về chi phí cho việc đăng tin thông báo triệu tập anh Lê Việt B trên phương tiện thông tin đại chúng do chị Nông Thị Kim D chịu.

5. Về án phí: Chị Nông Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nông Thị Kim D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002657 ngày 18/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị Kim D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Việt B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND P. T, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Nguyệt**